

BẢN SO SÁNH VÀ THUYẾT MINH

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Sự cần thiết ban hành:

Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc NHNN (sau đây là Thông tư 09) được ban hành và thực hiện được hơn 05 năm. Trong quá trình thực hiện đã phát sinh một số vấn đề cần được sửa đổi bổ sung, do:

1.1. Một số văn bản pháp luật mới được ban hành:

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực từ 01/01/2021, hoạt động “kinh doanh dịch vụ mua bán nợ” không thuộc danh mục hoạt động kinh doanh có điều kiện;
- Luật Đầu giá tài sản không có quy định cho phép TCTD được tự tổ chức bán đấu giá khoản nợ;
- Điều 298 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về “Đăng ký biện pháp bảo đảm”, thay đổi so với Điều 323 Bộ Luật Dân sự 2005 quy định về “Đăng ký giao dịch bảo đảm”.
- Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12.
- Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.
- Thông tư 16/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

1.2. Thực tiễn phát sinh một số khó khăn, vướng mắc:

- Trong quá trình thực hiện mua bán nợ theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây là TCTD) báo cáo có phát sinh một số khó khăn vướng mắc do Thông tư số 09/2015/TT-NHNN đã có quy định nhưng chưa hướng dẫn cụ thể để xử lý được một số trường hợp phát sinh trong thực tế về: (i) Định giá khoản nợ; (ii) Xử lý chênh lệch tỷ giá; (iii) Xử lý tài chính đối với trường hợp bên mua nợ là TCTD; ...

- Trong thời gian gần đây có hiện tượng TCTD thực hiện bán nợ cho bên mua nợ không phải là TCTD và được thanh toán chậm tiền mua nợ. Hoạt động này có thể dẫn đến việc phản ánh thiếu khách quan về tình trạng của các khoản nợ cấp tín dụng tại các TCTD.

Từ các lý do trên, để đảm bảo thống nhất với quy định pháp luật và xử lý được các vấn đề thực tế phát sinh, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/5/2015 là hết sức cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý:

- Luật Các TCTD 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định:

+ Khoản 2 Điều 95 Luật Các TCTD quy định: “Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”.

+ Khoản 14 Điều 4 Luật Các TCTD quy định: “Cấp tín dụng bao gồm các nghiệp vụ: cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”.

+ Điều 103 Luật Các TCTD quy định: “Ngân hàng thương mại được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.”.

- Quy định tại Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực từ 01/01/2021, “hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ” không thuộc danh mục hoạt động kinh doanh có điều kiện.

- Luật Đầu giá tài sản không có quy định cho phép TCTD được tự tổ chức bán đấu giá khoản nợ.

3. Đánh giá tác động:

Thông tư 09 có 26 Điều (bao gồm cả điều khoản thi hành). Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/5/2015 (sau đây là Dự thảo Thông tư) quy định sửa đổi, bổ sung 9 Điều. Trong đó: (i) Bổ sung thêm 01 Điều; (ii) Sửa đổi 8 Điều, cụ thể như sau:

3.1. Về các quy định được bổ sung:

Dự thảo Thông tư bổ sung thêm 01 Điều là Điều 15a. Quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ.

Khoản 9 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN có quy định về trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ.

Do vậy, cần bổ sung thêm Điều 15a quy định về việc quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ.

3.2. Về các quy định được sửa đổi.

Dự thảo Thông tư sửa đổi 8 Điều: Điều 1, 3, 5, 10, 12, 14, 20, 21, cụ thể như sau:

- Điều 1:

Bổ sung thêm khoản 3 quy định về mua bán các khoản nợ xấu trong thời gian thí điểm thực hiện theo Nghị quyết 42/2017/QH14 (từ 15/8/2017-15/8/2022).

- Điều 3:

+ Sửa đổi khoản 4 về bên mua nợ để phù hợp với quy định mới của Luật Dầu tư.

+ Bổ sung 7a. Giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ: để làm cơ sở hướng dẫn xử lý tài chính trong hoạt động mua bán nợ.

+ Bổ sung khoản 9, khoản 10 quy định về trạng thái sở hữu khoản nợ trong thời gian thực hiện hợp đồng mua, bán nợ (Căn cứ quy định tại Điều 162, Điều 440, Điều 450 Bộ Luật Dân sự):

(i) Khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ: Bên mua đã hoàn thành việc thanh toán tiền theo hợp đồng mua bán, nợ. Bên bán đã hoàn thành chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua và khoản nợ đã thuộc sở hữu của bên mua nợ.

(ii) Khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ: Các bên đã ký hợp đồng mua bán nợ và đang trong thời gian thực hiện hợp đồng. Bên mua chưa hoàn thành việc thanh toán tiền theo hợp đồng và Bên bán chưa thực hiện chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ. Khoản nợ vẫn thuộc sở hữu của bên bán nợ.

Trạng thái sở hữu khoản nợ là cơ sở để xác định rõ quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu khoản nợ trong việc quản lý, theo dõi, chịu rủi ro trong quá trình các bên thực hiện mua, bán nợ. Thông tư 09 hiện chưa có quy định cụ thể về vấn đề này. Do vậy, TCTD có thể lợi dụng việc mua bán nợ nhằm mục đích che dấu nợ xấu.

- Điều 5:

+ Sửa đổi khoản 4:

Luật Dầu giá tài sản không có quy định cho phép TCTD được tự tổ chức bán đấu giá khoản nợ. Do vậy, khoản 4 được sửa đổi bỏ quy định TCTD phải ban hành quy định nội bộ về tự đấu giá tài sản.

+ Sửa đổi khoản 6 quy định bên bán nợ không mua lại các khoản nợ đã bán trừ trường hợp mua lại khoản nợ đã bán theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt để phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 148đ Luật các TCTD.

+ Bổ sung khoản 6a:

Quy định bên bán nợ không được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên nợ đối với bên mua nợ nhằm bảo đảm việc mua nợ được minh bạch, thực chất và thực sự là biện pháp để xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các TCTD.

+ Bổ sung khoản 11: Bổ sung quy định TCTD không được cấp tín dụng cho khách hàng để mua nợ tại chính TCTD và các TCTD khác.

Quy định trên nhằm bảo đảm việc mua nợ được minh bạch, thực chất và thực sự là biện pháp để xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các TCTD, đồng thời ngăn ngừa khả năng TCTD có thể lợi dụng mua bán nợ để che dấu nợ xấu.

- Điều 10: Sửa đổi khoản 2:

Luật Đầu giá tài sản không có quy định cho phép TCTD được tự tổ chức bán đấu giá khoản nợ. Do vậy, khoản 2 được sửa đổi bổ quy định cho phép TCTD được tự bán đấu giá tài sản.

- Điều 12: Sửa đổi điều 12

+ Theo quy định của Luật Giá: (i) TCTD được quyền tự định giá khoản nợ; (ii) Bộ Tài chính thực hiện ban hành các tiêu chuẩn về thẩm định giá.

+ Theo quy định, TCTD được sử dụng các tiêu chuẩn về thẩm định giá của Bộ Tài chính để định giá khoản nợ. Tuy nhiên, Thông tư 09 chưa có quy định về vấn đề này.

+ Luật Giá cho phép cơ quan chuyên ngành (NHNN) được quy định về định giá. Thông tư 09 đã có quy định nhưng thực tế phát sinh có một số vướng mắc cần được quy định cụ thể hơn.

Do vậy, Điều 12 được sửa đổi để xử lý các vấn đề nêu trên (khoản 2 Điều 12 được giữ nguyên do hiện đang phù hợp theo quy định của Luật Giá).

- Điều 14: sửa đổi Điều 14. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ đã được thanh toán đủ số tiền mua, bán nợ theo hợp đồng.

Việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ chỉ được thực hiện khi bên mua đã trả đủ tiền cho bên bán nợ theo hợp đồng và nhận chuyển giao quyền đòi nợ từ bên bán nợ theo quy định tại Điều 440, Điều 450 Bộ Luật Dân sự.

Do vậy Điều 14 Dự thảo Thông tư được sửa đổi bổ sung để phù hợp với quy định nêu trên.

- Điều 20: Sửa đổi Điều 20

Điều 20 được sửa đổi để quy định cụ thể về quản lý, theo dõi đối với khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ.

- Điều 21: Sửa đổi Điều 21

Điều 21 được sửa đổi để quy định cụ thể về quản lý, theo dõi và xử lý tài chính đối với khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ. Quy định sửa đổi Điều này để xử lý các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong theo dõi và xử lý tài chính được TCTD kiến nghị.

3.3. Đánh giá tác động.

Với các vấn đề, nội dung dự kiến được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09 nêu trên cho thấy:

- Việc sửa đổi Thông tư 09 nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, phù hợp cho hoạt động mua, bán nợ theo quy định pháp luật hiện hành (Luật Đầu tư, Luật Đấu giá tài sản, Luật Giá, Bộ Luật Dân sự,...).

- Quy định hướng dẫn cụ thể để xử lý một số vướng mắc phát sinh trong thực tế về theo dõi, quản lý, xử lý tài chính trong hoạt động mua, bán nợ.

- Dự thảo Thông tư sửa đổi nhằm tạo sự minh bạch, bình đẳng cho các bên tham gia trong hoạt động mua, bán nợ, góp phần ngăn ngừa khả năng TCTD lợi dụng hoạt động mua nợ trả chậm, trả dần nhằm mục đích che giấu nợ xấu đồng thời tăng cường đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

4. Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Thông tư:

Stt	Quy định hiện hành tại Thông tư số 09/2015/TT- NHNN	Quy định tại Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2015/TT-NHNN	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điều 1 Thông tư 09 quy định: “Điều 1: Phạm vi điều chỉnh 1. Thông tư này quy định về hoạt động mua, bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay (kể cả khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh) của các tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 2. Thông tư này không áp dụng đối với hoạt động mua, bán nợ của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC); hoạt động mua bán nợ phát sinh từ hợp đồng vay, cho vay giữa các tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.	Khoản 1 Điều 1 Dự thảo Thông tư: Bổ sung khoản 3 Điều 1: “3. Trong thời gian Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thi điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành, các khoản nợ tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 09/2015/TT-NHNN thuộc đối tượng của Nghị quyết số 42/2017/QH14 thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện mua, bán các khoản nợ này theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 và quy định tại Thông tư này.”	1. Căn cứ quy định pháp luật: Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định: - Điều 1 quy định: “Nghị quyết này quy định thi điểm một số chính sách về xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng. - Khoản 1 Điều 16 quy định: “Điều 16. Phân bổ lãi dự thu, chênh lệch khi bán khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu 1. <u>Tổ chức tín dụng được phân bổ số lãi dự thu đã ghi nhận của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng chưa thoát theo quy định, chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu và</u>

số tiền dư phòng cu thể đã trích lập cho khoản nợ này vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm theo các nguyên tắc sau đây:

a) Mức phân bổ hàng năm tối thiểu là mức chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hàng năm của tổ chức tín dụng;

b) Thời hạn phân bổ số lãi dư thu tối đa không quá 10 năm, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; thời hạn phân bổ chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu và số tiền dư phòng cu thể đã trích lập cho khoản nợ này tối đa không quá 05 năm. ”

- Khoản 1 Điều 17 quy định:

“ Điều 17. Áp dụng pháp luật

1. Việc xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp Nghị quyết này không có quy định thì áp dụng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này và luật khác về cùng một vấn đề về xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.”

- Khoản 1 Điều 19 quy định:

“Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và được thực hiện trong thời hạn 05 năm từ ngày có hiệu lực thi hành.”.

2. Các khoản nợ quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 09 nếu là nợ xấu sẽ thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết số 42/2017/QH14.

- Theo Nghị quyết 42, chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu và số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ này vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, với mức phân bổ hàng năm tối thiểu là mức chênh lệch thu

			chỉ từ kết quả kinh doanh hằng năm của tổ chức tín dụng. Thời hạn phân bổ số lãi dự thu tối đa không quá 10 năm; thời hạn phân bổ chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu và số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ này tối đa không quá 05 năm. - Thông tư 09 quy định: (i) chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ và giá bán khoản nợ phải sử dụng tiền bồi thường, tiền bảo hiểm (nếu có), nếu thiếu sử dụng dự phòng để xử lý; (ii) Lãi dự thu phải thoả thu trong kỳ. 3. Đề xuất xử lý. Nghị quyết 42/2017/QH14 là thực hiện thí điểm và được thực hiện trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 15/8/2017 đến 15/8/2022, với một số cơ chế đặc thù trong phân bổ lãi dự thu, xử lý chênh lệch khi bán khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng. Từ các lý do trên, để đảm bảo sự thống nhất và xử lý phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14, Điều 1 Thông tư 09 (phạm vi điều chỉnh) sẽ được bổ sung thêm khoản 3 Điều 1 quy định: “<i>Trong thời gian Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành, các khoản nợ quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 09/2015/TT-NHNN nếu thuộc đối tượng của Nghị quyết số 42/2017/QH14 thì tổ chức tín dụng, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện mua, bán các khoản nợ này theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 và quy định tại Thông tư này.</i>”.
2	Điều 3: Giải thích từ ngữ	Khoản 2 Điều 1 Dự thảo Thông tư: Sửa đổi khoản 4 và bổ sung khoản 7a, khoản 9, khoản 10 Điều 3	
2.1	Khoản 4 Điều 3 Thông tư 09 quy định: “4. Bên mua nợ là tổ chức, cá nhân, bao gồm: a) Tổ chức, cá nhân là người cư trú sau:	Sửa đổi khoản 4 Điều 3 như sau: “4. Bên mua nợ là tổ chức, cá nhân, bao gồm: a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng nước chấp thuận hoạt động mua nợ; b) Tổ chức khác, cá nhân (bao gồm cả người cư	1. Căn cứ quy định pháp luật: - Lưu ý Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực từ 01/01/2021, “hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ” không thuộc hoạt động kinh doanh có điều kiện. Do vậy, các đối tượng là tổ chức khác không phải là TCTD và cá nhân sẽ không bị hạn chế về điều kiện khi tham gia mua nợ. Do vậy, khoản 4

	- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng nước chấp thuận hoạt động mua nợ; - Tổ chức kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ (không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ theo quy định của pháp luật; - Tổ chức khác, cá nhân không kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ. - Tổ chức, cá nhân là người không cư trú.”	trú và người không cư trú).”	Điều 3 Thông tư 09 (Bên mua nợ) cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14. - Khoản 2 Điều 90 Luật các TCTD quy định: “Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng”. Theo quy định trên, việc TCTD tham gia mua nợ vẫn cần được sự chấp thuận của NHNN. Do vậy, quy định bên mua nợ là TCTD cần sự chấp thuận của NHNN vẫn được giữ nguyên. 2. Đề xuất xử lý. Từ các vấn đề nêu trên, Thông tư 09 cần sửa đổi khoản 4 Điều 3 như sau: “Bên mua nợ là tổ chức, cá nhân, bao gồm: a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng nước chấp thuận hoạt động mua nợ; b) Tổ chức khác, cá nhân (bao gồm cả người cư trú và người không cư trú).”.	Việc bổ sung thêm khái niệm này để làm căn cứ hướng dẫn xử lý tài chính cho TCTD khi thực hiện bán nợ quy định Điều 21 dự thảo Thông tư
2.2		Bổ sung khoản 7a Điều 3: “7a. Giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ: gồm giá trị ghi sổ dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng.”		
2.3		Bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 3: “9. Khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ là khoản nợ mà bên mua nợ đã thực hiện thanh toán đầy đủ số tiền mua nợ theo hợp đồng mua bán nợ cho bên bán nợ, đồng thời bên bán nợ đã chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của khoản nợ được mua bán cho bên mua nợ và khoản nợ đã thuộc quyền sở hữu của bên mua nợ. 10. Khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ là khoản nợ đã được các bên ký hợp đồng mua bán nợ nhưng hiện bên mua nợ chưa thanh toán đủ số tiền mua nợ cho bên bán nợ và bên mua nợ	1. Căn cứ pháp luật: 1.1. Điều 162, Điều 440, Điều 450 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: “Điều 162. Chịu rủi ro về tài sản 1. Chủ sở hữu phải chịu rủi ro về tài sản thuộc sở hữu của mình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác. 2. Chủ thể có quyền khác đối với tài sản phải chịu rủi ro về tài sản trong phạm vi quyền của mình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với chủ sở hữu tài sản hoặc Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.”	

	chưa được nhận chuyển giao quyền chủ sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.”
Điều 440. Nghĩa vụ trả tiền 1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng. 2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản. 3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này. Điều 450. Mua bán quyền tài sản 1. Trường hợp mua bán quyền tài sản thì bên bán phải chuyển giấy tờ và làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bên mua, bên mua phải trả tiền cho bên bán. 2. Trường hợp quyền tài sản là quyền đòi nợ và bên bán cam kết bảo đảm khả năng thanh toán của người mắc nợ thì bên bán phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán, nếu khi đến hạn mà người mắc nợ không trả. 3. Thời điểm chuyển quyền sở hữu đối với quyền tài sản là thời điểm bên mua nhận được giấy tờ về quyền sở hữu đối với quyền tài sản đó hoặc từ thời điểm đăng ký việc chuyển quyền sở hữu, nếu pháp luật có quy định.” 1.2. Theo quy định nêu trên của Bộ Luật Dân sự, sau khi ký hợp đồng mua bán, tiến độ thanh toán do các bên mua, bán thỏa thuận. Tuy nhiên nếu không có thỏa thuận khác thì khi bên mua thanh toán đủ số tiền mua, bán theo hợp đồng, bên bán mới được chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên mua. Chủ sở hữu tài sản phải chịu rủi ro đối với tài sản của mình. 2. Căn cứ quy định nêu trên cần thiết phải có quy định xác định trạng thái chủ sở hữu khoản nợ trong thời gian thực hiện mua, bán nợ hiện đang thuộc sở hữu của bên nào (bên mua hay bên bán). Trên cơ sở đó, quy định rõ trách nhiệm quản lý, theo dõi, chịu rủi ro đối với khoản nợ theo quy định	

			tại Điều 162 Bộ Luật Dân sự. 2. Căn cứ thực tế: Thông tư 09 chưa có quy định về vấn đề này. Do vậy, TCTD có thể TCTD có thể lợi dụng qua hoạt động bán nợ với bên mua nợ không phải là TCTD và được trả chậm tiền mua nợ. Hoạt động này có thể dẫn đến việc phản ánh thiếu khách quan về tình trạng của các khoản nợ cấp tín dụng tại các TCTD. 3. Từ quy định và thực tế nêu trên, dự thảo Thông tư sửa đổi đã bổ sung quy định xác định tình trạng của khoản nợ trong quá trình mua bán: “<i>Khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ</i>” và “<i>Khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ</i>” để quản lý, theo dõi hoạt động mua, bán nợ được chặt chẽ và đúng quy định pháp luật.
3	Điều 5. Nguyên tắc thực hiện mua, bán nợ	Khoản 3 Điều 1 Dự thảo Thông tư: Sửa đổi khoản 4, khoản 6 và bổ sung khoản 6a, khoản 11 Điều 5	
3.1	Khoản 4 Điều 5 Thông tư 09 quy định: “4. Tổ chức tín dụng, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành quy định nội bộ về hoạt động mua, bán nợ (trong đó có quy định rõ về phân cấp thẩm quyền theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định mua, bán nợ; (trong đó có quy định rõ về phân cấp thẩm quyền theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định mua, bán nợ; quyết định mua, bán nợ; phương thức mua, bán nợ; quy trình mua, bán nợ; quy trình định giá khoản nợ; quy trình bán đấu giá khoản nợ trong trường hợp tư đấu giá khoản nợ và quản trị rủi ro đối với hoạt động mua, bán nợ) trước thực hiện mua, bán nợ.”	Sửa đổi khoản 4 Điều 5 như sau: “4. Tổ chức tín dụng, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành quy định nội bộ về hoạt động mua, bán nợ (trong đó có quy định rõ về phân cấp thẩm quyền theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định mua, bán nợ; phương thức mua, bán nợ, quy trình mua, bán nợ; quy trình mua, bán nợ; quy trình định giá khoản nợ; quy trình bán đấu giá khoản nợ; quy trình định giá khoản nợ; quy trình bán đấu giá khoản nợ trong trường hợp tư đấu giá khoản nợ và quản trị rủi ro đối với hoạt động mua, bán nợ) trước thực hiện mua, bán nợ.”	1. Căn cứ pháp luật. 1.1. Khoản 12 Điều 5 Luật đấu giá tài sản quy định: “<i>Tổ chức đấu giá tài sản bao gồm Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản và doanh nghiệp đấu giá tài sản.</i>”. Theo quy định nêu trên, TCTD không được tự đấu giá khoản nợ. 1.2. Theo quy định của Luật Giá, TCTD có quyền tự định giá khoản nợ mua, bán (thuyết minh cụ thể tại điểm 5 về sửa đổi Điều 12 về định giá khoản nợ). Do vậy, quy định TCTD phải ban hành các quy định nội bộ để thực hiện mua, bán nợ cần sửa đổi bổ sung cho đầy đủ hơn, cụ thể: đoạn: “<i>quy trình định giá khoản nợ</i>” được sửa đổi bổ sung thành: “<i>quy trình, phương pháp định giá khoản nợ</i>”. 2. Từ các căn cứ trên, khoản 4 Điều 5 Thông tư 09 được sửa đổi theo hướng: (i) bổ nội dung quy định yêu cầu TCTD phải ban hành quy trình bán đấu giá khoản nợ trong trường hợp tự đấu giá khoản nợ; (ii) bổ sung thêm quy định TCTD phải ban hành quy định nội bộ về “<i>quy trình, phương pháp</i>

			<i>định giá khoản nợ”.</i>
	Khoản 6 Điều 5 Thông tư 09 quy định: “6. Bên bán nợ không mua lại các khoản nợ đã bán theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt.”	Sửa đổi khoản 6 Điều 5 như sau: “6. Bên bán nợ không mua lại các khoản nợ đã bán trừ trường hợp mua lại khoản nợ đã bán theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt.”	1. Căn cứ quy định pháp luật: - Khoản 1 Điều 148b Luật Các TCTD quy định biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án phục hồi: “1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:...g) Mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức tín dụng hỗ trợ nắm giữ đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;...” - Khoản 5, khoản 6 Điều 148d Luật Các TCTD quy định: “Điều 148d. Nguyên và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng hỗ trợ 5. Bán nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. 6. <u>Mua lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán quy định tại khoản 5 Điều này theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</u>” Ngân hàng Nhà nước đã có Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về phương án phục hồi liên quan đến các ngân hàng mua lại bất buộc. Theo đó, các ngân hàng mua lại bất buộc được phép mua nợ từ TCTD tham gia cơ cấu lại và trong trường hợp phát sinh rủi ro, ngân hàng mua lại bất buộc được phép bán lại khoản nợ đã mua cho TCTD tham gia cơ cấu lại. 2. Đề xuất. Sửa đổi bổ sung quy định khoản 6 Điều 5 quy định bên bán nợ không mua lại các khoản nợ đã bán trừ trường hợp mua lại khoản nợ đã bán theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt.
3.2			
3.3		Bổ sung khoản 6a Điều 5 như sau: “6a. Bên bán nợ không được cam kết bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên nợ đối với bên mua nợ.”	1. Căn cứ quy định pháp luật: 1.1. Bộ Luật Dân sự. Khoản 2 Điều 450 Bộ Luật Dân sự quy định: “Trường hợp quyền tài sản là quyền đòi nợ và bên bán cam kết bảo đảm khả năng thanh toán của người mắc nợ thì bên bán phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán, nếu khi đến hạn mà người

		<i>mắc nợ không trả.”.</i> 1.2. Luật Các TCTD. Khoản 2 Điều 95 Luật Các TCTD quy định: “<i>Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i>” Theo đó, mua, bán nợ của tổ chức tín dụng là một biện pháp để xử lý nợ và được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 2. Khoản 2 Điều 450 Bộ Luật Dân sự cho phép trong giao dịch dân sự, bên bán có thể cam kết bảo đảm khả năng thanh toán của người mắc nợ. Tuy nhiên, trong hoạt động mua, bán, nợ của TCTD, nếu cho phép bên bán nợ có thể thỏa thuận để cam kết bảo đảm khả năng thanh toán của bên nợ thì việc mua, bán nợ sẽ không còn là biện pháp để xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các TCTD, do TCTD bán nợ vẫn liên đới chịu trách nhiệm đối với khoản nợ đã bán. Mặt khác, TCTD có thể lợi dụng việc cam kết kết bảo đảm khả năng thanh toán của bên nợ để che dấu nợ xấu. 3. Đề xuất xử lý. Từ các lý do nêu trên, dự thảo Thông tư sẽ bỏ sung khoản 6a quy định: <i>Bên bán nợ không được cam kết bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên nợ đối với bên mua nợ.</i>
3.4	Bổ sung khoản 11 Điều 5 như sau: “11. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng để mua nợ của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.”.	1. Căn cứ quy định pháp luật: 1.1. Khoản 2 Điều 95 Luật Các TCTD quy định: “<i>Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua, bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i>” Căn cứ quy định trên, mua bán nợ của tổ chức tín dụng là

			một biện pháp để xử lý nợ và được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 1.2. Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ (hiện đã hết hiệu lực thi hành do Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực từ 01/01/2021 quy định hoạt động “kinh doanh dịch vụ mua bán nợ” không thuộc danh mục hoạt động kinh doanh có điều kiện) có quy định: “Doanh nghiệp hoạt động mua bán nợ không được nhận cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng để mua nợ của khách hàng vay tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó hoặc nhận bảo đảm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng để được cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng khác nhằm mục đích mua nợ của khách hàng vay tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bảo đảm.” 2. Qua công tác thanh tra, giám sát, Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng (CQTGSNH) có ý kiến nên cấm cả việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng cho khách hàng để mua nợ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác nhằm ngăn ngừa phát sinh hiện tượng các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay khách hàng chéo để che dấu nợ xấu. Ví dụ TCTD A cho vay khách hàng B để mua nợ của TCTD C, ngược lại TCTD C cho khách hàng D vay để mua nợ của TCTD A. 3. Đề xuất xử lý. Từ các căn cứ trên, Dự thảo Thông tư cần bổ sung khoản 11 Điều 5 quy định: <i>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng, nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng để mua nợ của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác để hạn chế TCTD có thể lợi dụng việc cấp tín dụng cho hoạt động mua bán nợ để chuyển nợ nhằm che dấu nợ xấu.</i>
4	“Điều 10. Phương thức mua,	Khoản 4 Điều 1 Dự thảo Thông tư: Sửa đổi	1. Căn cứ quy định pháp luật:

bán nợ ... 2. <u>Đấu giá</u>: bên bán nợ thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản hoặc tư tố chức bán đấu giá khoản nợ."	Khoản 2 Điều 10 "2. <u>Đấu giá</u>: Bên bán nợ thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản."	Khoản 12 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản quy định: "Tổ chức đấu giá tài sản bao gồm Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản và doanh nghiệp đấu giá tài sản." Căn cứ quy định trên, TCTD không được tự tổ chức đấu giá khoản nợ. 2. Đề xuất xử lý: Khoản 2 Điều 10 Thông tư 09 được sửa đổi bỏ quy định cho phép "TCTD tự đấu giá khoản nợ" để phù hợp với quy định của Luật Đấu giá tài sản.
"Điều 12. Định giá khoản nợ Việc xác định giá mua, bán nợ theo đối với mua, bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá được thực hiện như sau: 1. Giá mua, bán nợ, giá khởi điểm được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ khoản nợ, khoản lãi mà bên nợ sẽ phải trả trong tương lai, phân loại nhóm khả năng thu hồi của khoản nợ và giá trị tài sản bảo đảm (nếu có). 2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện định giá mua, bán nợ đối với mua bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá để Hội đồng mua, bán nợ quyết định."	Khoản 5 Điều 1 Dự thảo Thông tư: Sửa đổi Điều 12 "Điều 12. Định giá khoản nợ Việc định giá khoản nợ được thực hiện theo quy định pháp luật về giá. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xác định giá mua, bán nợ đối với mua, bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá như sau: 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác định giá mua, bán nợ trong trường hợp mua bán theo thỏa thuận, giá khởi điểm trong trường hợp bán đấu giá khoản nợ theo một trong các căn cứ sau: a) Giá trị ghi sổ khoản nợ, khoản lãi mà bên nợ sẽ phải trả trong tương lai, phân loại nhóm khoản nợ, tình hình tài chính khách hàng vay, cung cầu thị trường và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến giá trị khoản nợ, khả năng thu hồi khoản nợ, tình trạng và giá trị tài sản bảo đảm (nếu có) của khoản nợ tại thời điểm định giá. b) Quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính về các tiêu chuẩn thẩm định giá. 2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện định giá mua, bán nợ đối với mua bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá	1. Căn cứ quy định pháp luật 1.1. Quy định của Luật Giá: - Khoản 4, Điều 4 Luật Giá quy định: "Giá thị trường là giá hàng hóa, dịch vụ hình thành do các nhân tố chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định." - Khoản 1, Điều 5 Luật Giá quy định về nguyên tắc quản lý giá: "Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật." - Khoản 1, Điều 11 Luật Giá quy định: "Điều 11. Quyền của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh 1. Tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá." - Điều 19 Luật Giá quy định về Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (không có giá khoản nợ). - Tiết a khoản 1 Điều 42 Luật Giá quy định: "1. Quyền của doanh nghiệp thẩm định giá: a) <u>Cung cấp dịch vụ thẩm định giá.</u>" 1.2. Quy định tại Nghị định của Chính phủ: - Khoản 2, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ <u>Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá</u> quy định: "Điều 21. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của các Bộ 2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

	khởi điểm đối với mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá để Hội đồng mua, bán nợ quyết định.”.	4. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; quyết định giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền.”. - Điều 6 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá quy định: “Điều 6. Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam 1. Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam gồm các tiêu chuẩn hướng dẫn về những quy tắc đạo đức hành nghề thẩm định giá tài sản; những nguyên tắc kinh tế chi phối hoạt động thẩm định giá tài sản; giá trị thị trường và giá trị phù thị trường làm cơ sở cho thẩm định giá tài sản; phân loại tài sản; quy trình thẩm định giá tài sản; báo cáo kết quả thẩm định giá, hồ sơ và chứng thư thẩm định giá tài sản; các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá. 2. Bộ Tài chính ban hành và hướng dẫn thực hiện Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam để áp dụng trong hoạt động thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam”. 2. Căn cứ thực tế: - Lời dẫn và khoản 1 Thông tư 09 hiện còn một số hạn chế: + Chưa quy định rõ việc định giá khoản nợ được thực hiện theo quy định pháp luật về giá. Do vậy, cần bổ sung thêm quy định này để khẳng định rõ TCTD quyền tự chủ trong định giá khoản nợ theo Luật Giá. + Hướng dẫn định giá tại khoản 1 Thông tư 09 chưa có quy định các yếu tố: tình hình tài chính khách hàng vay, cung cầu thị trường và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến giá trị khoản nợ, tình trạng và giá trị tài sản bảo đảm (nếu có) của khoản nợ tại thời điểm định giá. Do vậy, TCTD báo cáo gặp khó khăn trong việc định giá khoản nợ và đề nghị được hướng dẫn cụ thể hơn. - Hiện tại, Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản hướng dẫn về Doanh nghiệp thẩm định giá và ban hành các tiêu chuẩn về thẩm định giá (13 tiêu chuẩn). Vừa qua nhiều tổ chức, đơn vị có phản ánh về khó khăn, vướng mắc trong việc định giá đối với khoản nợ, Bộ Tài chính đang nghiên cứu đề ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá khoản nợ.
--	---	--

			Theo quy định của Bộ Tài chính, các tổ chức khác ngoài doanh nghiệp thẩm định giá cũng được áp dụng tiêu chuẩn thẩm định giá của Bộ Tài chính. Do vậy, TCTD cũng được áp dụng các tiêu chuẩn này để định giá khoản nợ. 3. Đề xuất xử lý. Trên cơ sở các quy định pháp luật và thực tế khó khăn, vướng mắc nêu trên, dự thảo Thông tư đã sửa đổi Điều 12 để xử lý các vấn đề còn khó khăn, vướng mắc hiện nay. Trong đó, khoản 2 Điều 12 Thông tư 09 hiện đang phù hợp quy định pháp luật về Giá và không phát sinh khó khăn vướng mắc. Do vậy, nội dung quy định tại khoản 2 Điều 12 sẽ được giữ nguyên.
	“Điều 14. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ đã được thanh toán đủ số tiền mua, bán nợ theo hợp đồng 1. Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ của bên bán nợ kể từ thời điểm thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ. 2. Bên bán nợ chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ bao gồm cả quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm khoản nợ đó (nếu có). Việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm của khoản nợ phù hợp với quy định của pháp luật về đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm của pháp luật. 3. Bên mua nợ, bên bán nợ và bên nhận bảo đảm có thể thỏa thuận việc điều chỉnh biện pháp bảo đảm đối với khoản nợ được mua, bán phù hợp quy định của pháp luật.”	Khoản 6 Điều 1 Dư thảo Thông tư: Sửa đổi Điều 14 “Điều 14. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ đã được thanh toán đủ số tiền mua, bán nợ theo hợp đồng 1. Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ của bên bán nợ kể từ thời điểm thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ. 2. Bên bán nợ chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ bao gồm cả quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm của khoản nợ phù hợp với quy định của pháp luật về đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm của pháp luật. 3. Bên mua nợ, bên bán nợ và bên nhận bảo đảm có thể thỏa thuận việc điều chỉnh biện pháp bảo đảm đối với khoản nợ được mua, bán phù hợp quy định của pháp luật.”	Theo quy định của Bộ Tài chính, các tổ chức khác ngoài doanh nghiệp thẩm định giá cũng được áp dụng tiêu chuẩn thẩm định giá của Bộ Tài chính. Do vậy, TCTD cũng được áp dụng các tiêu chuẩn này để định giá khoản nợ. 3. Đề xuất xử lý. Trên cơ sở các quy định pháp luật và thực tế khó khăn, vướng mắc nêu trên, dự thảo Thông tư đã sửa đổi Điều 12 để xử lý các vấn đề còn khó khăn, vướng mắc hiện nay. Trong đó, khoản 2 Điều 12 Thông tư 09 hiện đang phù hợp quy định pháp luật về Giá và không phát sinh khó khăn vướng mắc. Do vậy, nội dung quy định tại khoản 2 Điều 12 sẽ được giữ nguyên. 1. Căn cứ quy định pháp luật: 1.1. Quy định của Bộ Luật Dân sự 2015: - Điều 365 quy định: “Điều 365. Chuyển giao quyền yêu cầu 1. Bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có thể chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền theo thỏa thuận, trừ trường hợp sau đây: a) Quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín; b) Bên có quyền và bên có nghĩa vụ có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định về việc không được chuyển giao quyền yêu cầu. 2. Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ. Người chuyển giao quyền yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho bên có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp bên chuyển giao quyền yêu cầu không thông báo về việc chuyển giao quyền mà phát sinh chi phí cho bên có nghĩa vụ thì bên chuyển giao quyền yêu cầu phải thanh toán chi phí này.”

	bảo đảm có thể thỏa thuận việc điều chỉnh biên pháp bảo đảm đối với khoản nợ được mua, bán phù hợp quy định của pháp luật.”		- Khoản 2 Điều 440 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: “Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản”. - Khoản 3 Điều 450 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: “Thời điểm chuyển quyền sở hữu đối với quyền tài sản là thời điểm bên mua nhận được giấy tờ về quyền sở hữu đối với quyền tài sản đó hoặc từ thời điểm đăng ký việc chuyển quyền sở hữu, nếu pháp luật có quy định.” - Điều 298 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về “Đăng ký biện pháp bảo đảm”, thay đổi so với Điều 323 Bộ Luật Dân sự 2005 quy định về “Đăng ký giao dịch bảo đảm”. 1.2. Căn cứ quy định nêu trên, việc chuyển giao các quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ mua bán chỉ được thực hiện khi bên mua nợ đã thanh toán đủ số tiền mua nợ theo hợp đồng mua bán nợ. 2. Điều 14 Thông tư 09 đã quy định về chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ. Nội dung Điều 14 là phù hợp với khoản nợ mà bên mua đã thanh toán đủ số tiền mua nợ theo hợp đồng mua bán nợ. Tuy nhiên cần sửa đổi nội dung quy định về “Đăng ký giao dịch bảo đảm” thành “<i>Đăng ký biện pháp bảo đảm</i>” để phù hợp với Bộ Luật Dân sự 2015. 3. Đề xuất xử lý. Trên cơ sở quy định và các vấn đề nêu trên, Điều 14 Thông tư 09 được sửa đổi theo hướng quy định về chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ đã được thanh toán đủ số tiền mua bán nợ theo hợp đồng và thay cụm từ “<i>Đăng ký giao dịch bảo đảm</i>” thành “<i>Đăng ký biện pháp bảo đảm</i>”.
7		Khoản 7 Điều 1 Dự thảo Thông tư: Bổ sung Điều 15a “Điều 15a. Quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho	1. Căn cứ pháp luật Khoản 9 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định: “Trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ, thì bên bán nợ và các bên mua nợ

	<i>thỏa thuận với nhau về tỷ lệ tham gia, phương thức thực hiện, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, phân chia giá trị tài sản đảm bảo (nếu có) cho phần nợ được mua, bán và các nội dung cụ thể khác tại hợp đồng mua, bán nợ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.”</i> Tuy nhiên, Thông tư 09/2015/TT-NHNN chưa có quy định cụ thể về việc <i>Quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ</i>. Do vậy, dự thảo Thông tư sửa đổi có quy định bổ sung thêm về vấn đề này để đảm bảo việc quản lý hoạt động mua bán nợ được đầy đủ và chặt chẽ hơn. 2. Trường hợp bên bán nợ còn sở hữu một phần khoản nợ được bán, thì bên bán nợ cần tiếp tục làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan của khoản nợ để đảm bảo không làm phát sinh thêm vấn đề có thể gây ra rủi ro đối với TC/TD bán nợ. Phần nợ chưa bán, bên bán nợ tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định. Trường hợp bên bán nợ không còn là chủ sở hữu của khoản nợ được bán nhưng các bên có nhu cầu, bên bán nợ được tiếp tục làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan đến khoản nợ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hợp đồng do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.”	<i>thỏa thuận với nhau về tỷ lệ tham gia, phương thức thực hiện, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, phân chia giá trị tài sản đảm bảo (nếu có) cho phần nợ được mua, bán và các nội dung cụ thể khác tại hợp đồng mua, bán nợ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.”</i> Tuy nhiên, Thông tư 09/2015/TT-NHNN chưa có quy định cụ thể về việc <i>Quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ</i>. Do vậy, dự thảo Thông tư sửa đổi có quy định bổ sung thêm về vấn đề này để đảm bảo việc quản lý hoạt động mua bán nợ được đầy đủ và chặt chẽ hơn. 2. Trường hợp bên bán nợ còn sở hữu một phần khoản nợ được bán, thì bên bán nợ cần tiếp tục làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan của khoản nợ để đảm bảo không làm phát sinh thêm vấn đề có thể gây ra rủi ro đối với TC/TD bán nợ. Phần nợ chưa bán, bên bán nợ tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định. Trường hợp bên bán nợ không còn là chủ sở hữu của khoản nợ được bán nhưng các bên có nhu cầu, bên bán nợ được tiếp tục làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan đến khoản nợ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hợp đồng do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.”	<i>thỏa thuận với nhau về tỷ lệ tham gia, phương thức thực hiện, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, phân chia giá trị tài sản đảm bảo (nếu có) cho phần nợ được mua, bán và các nội dung cụ thể khác tại hợp đồng mua, bán nợ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.”</i> Tuy nhiên, Thông tư 09/2015/TT-NHNN chưa có quy định cụ thể về việc <i>Quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ</i>. Do vậy, dự thảo Thông tư sửa đổi có quy định bổ sung thêm về vấn đề này để đảm bảo việc quản lý hoạt động mua bán nợ được đầy đủ và chặt chẽ hơn. 2. Trường hợp bên bán nợ còn sở hữu một phần khoản nợ được bán, thì bên bán nợ cần tiếp tục làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan của khoản nợ để đảm bảo không làm phát sinh thêm vấn đề có thể gây ra rủi ro đối với TC/TD bán nợ. Phần nợ chưa bán, bên bán nợ tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định. Trường hợp bên bán nợ không còn là chủ sở hữu của khoản nợ được bán nhưng các bên có nhu cầu, bên bán nợ được tiếp tục làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan đến khoản nợ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hợp đồng do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.”
8	“Điều 20. Quản lý đối với các khoản nợ đã mua, bán 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:	Khoản 8 Điều 1 Dự thảo Thông tư: Sửa đổi, bổ sung Điều 20 “Điều 20. Quản lý, theo dõi đối với các khoản nợ chưa hoàn thành việc mua bán nợ	1. Căn cứ quy định pháp luật - Căn cứ quy định tại Điều 162, Điều 440 và Điều 453 Bộ Luật Dân sự 2015, - Khoản 9 và khoản 10 Điều 3 dự thảo Thông tư đã quy định

	a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ phải hạch toán theo dõi riêng theo giá mua thực tế của khoản nợ được mua, bán đảm bảo phân định được các khoản nợ mua với các khoản nợ hình thành từ hoạt động cấp tín dụng của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tính số tiền mua nợ vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với bên nợ; b) Việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với khoản nợ đã mua thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. 2. Tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này quản lý khoản nợ đảm bảo không trái quy định của pháp luật.”	1. Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ phải quản lý, theo dõi và trích lập dự phòng rủi ro đối với toàn bộ khoản nợ được bán như quy định đối với khoản nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho đến khi bên mua nợ thanh toán đầy đủ số tiền mua nợ theo hợp đồng mua bán nợ và bên bán nợ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ. Số tiền bán nợ mà bên mua nợ đã trả, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ theo dõi vào tài khoản phù hợp như đối với khoản phải trả. Khi bên mua nợ thanh toán đầy đủ số tiền mua nợ theo hợp đồng mua bán nợ, bên bán nợ thực hiện quản lý, theo dõi, xử lý tài chính đối với khoản nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này. 2. Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ Số tiền mua nợ đã trả cho bên bán nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, quản lý, theo dõi như đối với khoản phải thu theo quy định pháp luật về hạch toán kế toán. 3. Việc tính lãi hoặc không tính lãi đối với số tiền bên mua nợ trả trước trong thời gian từ thời điểm bên mua nợ trả trước tiền mua nợ cho đến khi bên mua nợ hoàn thành việc thanh toán nốt số tiền mua nợ theo hợp đồng, do bên mua nợ và bên bán nợ thỏa thuận trong hợp đồng mua, bán nợ”	về trạng thái chủ sở hữu khoản nợ trong quá trình thực hiện mua, bán nợ. Khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ và khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ (<i>Thuyết minh tại điểm 2.3</i>). 2. Một số nội dung của Điều 20 Thông tư 09 hiện còn phù hợp để quản lý đối với khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ. Do đó, các nội dung phù hợp sẽ được kế thừa để gộp chung vào quy định tại Điều 21 Dự thảo quy định về quản lý, theo dõi và xử lý tài chính đối với khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ. 3. Đề xuất xử lý. Điều 20 được sửa đổi quy định quản lý, theo dõi đối với các khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ, theo hướng: - Đối với khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ, khoản nợ vẫn thuộc sở hữu của bên bán nợ. Do vậy, theo quy định Điều 162 Bộ Luật Dân sự, bên bán nợ vẫn phải chịu rủi ro và do đó, bên bán nợ phải quản lý phân loại nợ và trích lập DPRR đối với khoản nợ theo quy định. - Số tiền bên mua nợ đã trả cho bên bán nợ (nhưng chưa trả đủ số tiền mua nợ theo hợp đồng mua bán nợ) được xem như số tiền trả trước của bên mua nợ cho bên bán nợ và bên bán nợ phải quản lý như đối với khoản phải trả; bên mua nợ theo dõi quản lý số tiền đã trả trước cho bên bán nợ như đối với khoản phải thu. - Để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa bên mua nợ và bên bán nợ. Dự thảo quy định, việc tính lãi hoặc không tính lãi đối với số tiền bên mua nợ trả trước trong thời gian từ thời điểm bên mua nợ trả trước tiền mua nợ cho đến khi bên mua nợ hoàn thành việc thanh toán nốt số tiền mua nợ theo hợp đồng, do bên mua nợ và bên bán nợ thỏa thuận trong hợp đồng mua, bán nợ. 1. Căn cứ quy định pháp luật - Căn cứ quy định tại Điều 162, Điều 440 và Điều 453 Bộ Luật Dân sự 2015.
9	“Điều 21. Xử lý tài chính, hạch toán kế toán trong nghiệp vụ mua, bán nợ	Khoản 9 Điều 1 Dự thảo Thông tư: Sửa đổi, bổ sung Điều 21: “Điều 21. Quản lý, theo dõi, xử lý tài chính đối	

1. Xử lý đối với phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ: a) Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng: - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; - Trường hợp giá mua, bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổ chức xác định hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện như sau: Đối với số nợ gốc: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ. Đối với số nợ lãi: Trường hợp, nếu số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí theo quy định về hướng dẫn chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	với khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ 1. Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ a) Đối với khoản nợ đang hạch toán nội bảng a1) Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau. a2) Trường hợp nếu giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ: Phần chênh lệch giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi nhận vào thu nhập. a3) Trường hợp nếu giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ, ngoài số tiền thu được từ bán nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ sử dụng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện như sau: Đối với số nợ gốc: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ. Đối với số nợ lãi: Trường hợp, nếu số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí theo quy định về hướng dẫn chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	- Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định: “4. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ.” - Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định: “2. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.” - Khoản 12 Điều 3 Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 quy định: “12. Sử dụng dự phòng rủi ro bao gồm sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ, cụ thể: a) Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro là việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chuyển khoản nợ được xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng quy định tại Điều 16 Thông tư này; b) Sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ quy định tại Điều 18 Thông tư này.” - Tiết d, khoản 2, Điều 18 Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 quy định: “2. Xác định nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau: ... d) Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường
--	--	--

2. Việc hạch toán, kế toán trong mua, bán nợ được thực hiện theo định hiện hành về chế độ kế toán.”	Trường hợp, nếu số nợ lãi đang được ghi nhận ngoài bảng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xuất toán khỏi ngoại bảng số nợ lãi của khoản nợ đã bán. b) Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán: Số tiền bán khoản nợ được ghi nhận vào thu nhập khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 2. Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ quản lý theo dõi riêng khoản nợ được mua, đảm bảo phân định được các khoản nợ mua với các khoản nợ hình thành từ hoạt động cấp tín dụng của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tính số tiền đã mua nợ vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với bên nợ. Số tiền mua nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật như đối với khoản cấp tín dụng và theo các điều kiện tại hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua (thời hạn trả nợ, kế hoạch trả nợ, cơ cấu lãi thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí, ...). b) Xử lý tài chính khi thu nợ của khoản nợ đã mua. b1) Trường hợp số tiền mua nợ thực tế nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua. Số tiền nợ gốc thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền thực tế đã mua nợ. Trường hợp, số tiền thực tế mua nợ đã được thu hồi hết, số tiền thu nợ gốc theo hợp đồng tín dụng được ghi nhận vào thu
	của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong cùng kỳ kế toán.” Căn cứ các quy định trên, TCTD có thể sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất khi bán nợ. Trường hợp sử dụng dự phòng thiếu thì được sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp; trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong cùng kỳ kế toán. 2. Khoản 9 và khoản 10 Điều 3 dự thảo Thông tư đã quy định về trạng thái chủ sở hữu khoản nợ trong quá trình thực hiện mua, bán nợ: Khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ và khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ (Thuyết minh tại điểm 2.3). 3. Từ các vấn đề nêu trên, Điều 21 dự thảo Thông tư được sửa đổi để quy định quản lý, theo dõi, xử lý tài chính đối với khoản nợ đã hoàn thành mua, bán nợ. 3.1. Xử lý tài chính đối với TCTD bán nợ. - Về cơ bản quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư 09 là phù hợp trong việc xử lý tài chính đối với TCTD bán nợ. Tuy nhiên, Thông tư 09 chưa quy định cụ thể về việc xử lý một số vấn đề phát sinh trong thực tế, cụ thể: + Chưa có quy định nguyên tắc thu hồi nợ khi bán nợ. Do vậy, đối với trường hợp khi giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ khoản nợ, với các cách xử lý thu hồi nợ khác nhau (thu hồi nợ gốc trước hoặc thu hồi nợ lãi trước) có thể dẫn đến phân ảnh kết quả hoạt động kinh doanh khác nhau của TCTD đối với cùng một hoạt động bán nợ, cụ thể: (i) Nếu thu hồi nợ gốc trước, số tiền bán nợ còn lại sau khi thu hồi vào nợ gốc (nếu còn) được thu hồi vào nợ lãi và được phân ảnh vào thu nhập; (ii) Nếu thu hồi nợ lãi trước, số nợ lãi sẽ thu hồi được toàn bộ và được hạch toán vào thu nhập. Số tiền bán nợ còn

	nhập. Số tiền nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, ghi nhận vào thu nhập. b2) Trường hợp số tiền mua nợ lớn hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua. Số tiền nợ gốc, lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền thực tế đã mua nợ. Đến thời điểm khi số tiền mua nợ còn lại nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ tại thời điểm đó, số tiền nợ gốc, lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ thực hiện xử lý theo quy định tại tiết b1, khoản 2, Điều này. 3. Các khoản phát sinh do chênh lệch tỷ giá khi mua nợ, bán nợ, thu hồi nợ của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý, hạch toán theo quy định hiện hành về chế độ tài chính, kế toán của tổ chức tín dụng.”	lại sau khi thu hồi nợ lãi (nếu còn) mới được thu hồi vào nợ gốc. Số tiền nợ gốc còn thiếu không thu hồi được, sau khi sử dụng tiền bồi thường, tiền bảo hiểm (nếu có) theo quy định tại TT 09, TCTD bán nợ được sử dụng từ DPRR, nếu vẫn thiếu thì được hạch toán vào chi phí. Tuy nhiên, Tiết d, khoản 2, Điều 18 Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 quy định sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong cùng kỳ kế toán. Do vậy, theo quy định về chế độ tài chính của TCTD, việc xử lý tổn thất trong hoạt động mua bán nợ được bù đắp bằng quỹ dự phòng được trích lập trong chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp sử dụng dự phòng rủi ro thiếu thì được sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp; trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong cùng kỳ kế toán. + Thông tư 16/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ Tài chính quy định, đối với khoản nợ được phân loại nợ đủ tiêu chuẩn (nợ nhóm 1), lãi chưa thu được hạch toán vào lãi dự thu và có thể được hạch toán vào thu nhập. Đối với các khoản nợ khác (nhóm 2, 3, 4, 5), lãi chưa thu được hạch toán ngoại bảng, nếu thu hồi được mới được hạch toán vào thu nhập. Do vậy, số lãi TCTD không thu được khi bán nợ cần được phân thành 02 trường hợp để xử lý: (i) Trường hợp, nếu số nợ lãi không thu được đã được TCTD bán nợ hạch toán vào thu nhập, TCTD bán nợ thực hiện hạch toán thoái thu bằng cách hạch toán vào chi phí trong kỳ. (ii) Trường hợp, nếu số nợ lãi không thu được đang ghi nhận ngoại bảng, TCTD thực hiện xuất toán ngoại bảng số nợ lãi của khoản nợ đã bán. - Từ các vấn đề nêu trên, khoản 1 Điều 21 Dự thảo Thông tư
--	--	---

	đã: + Bổ sung quy định về nguyên tắc xử lý thu hồi nợ khi bán nợ (thu hồi nợ gốc trước, thu hồi nợ lãi sau) và xử lý tài chính trong hoạt động mua bán nợ theo quy định. + Bổ sung quy định về xử lý số lãi không thu được khi bán nợ cho phù hợp với quy định tại Thông tư 16/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ Tài chính và Luật Các TCTD. 3.2. Quy định về quản lý và thu hồi nợ đối với TCTD mua nợ. - Tiết a khoản 2 Điều 21 dự thảo: Được chuyển từ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 20. - Tiết b khoản 2 Điều 21 dự thảo: quy định về xử lý tài chính đối với TCTD mua nợ. Thông tư số 09 chưa có quy định về xử lý tài chính đối với TCTD mua nợ. Vấn đề này được nhiều TCTD kiến nghị có hướng dẫn. Do vậy, Dự thảo Thông tư đã bổ sung quy định để hướng dẫn xử lý tài chính đối với TCTD mua nợ. + Theo quy định về Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thông đốc NHNN (đã sửa đổi bổ sung): (i) Toàn bộ giá trị ghi sổ (gốc, lãi) của khoản nợ được mua sẽ được TCTD mua nợ hạch toán theo đối ngoại bằng (<i>không phân biệt phân loại nhóm nợ của khoản nợ được mua bán</i>); (ii) Số tiền TCTD mua nợ hạch toán nội bảng và tính số tiền mua nợ vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với bên nợ. Khi thu nợ, TCTD mua nợ thực hiện thu nợ của khách hàng vay (nợ gốc, nợ lãi) theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. + Trường hợp nếu giá mua nợ thấp hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua: Trong trường hợp này: (i) Số tiền nợ gốc khi thu được sẽ được hạch toán thu hồi vào số tiền thực tế đã mua nợ và đảm bảo nếu khách hàng trả được nợ thì TCTD mua nợ sẽ thu hồi được đầy đủ số tiền đã mua nợ; (ii) Số nợ lãi thu được, TCTD mua nợ được hạch toán vào thu nhập. + Trường hợp nếu giá mua nợ cao hơn số dư nợ gốc ghi sổ
--	---

		của khoản nợ được mua: Trong trường hợp này, để đảm bảo TCTD mua nợ thu hồi được hết số tiền đã mua nợ, Dự thảo Thông tư đã quy định: (i) Toàn bộ số tiền khi thu nợ (gốc, lãi) của khách hàng theo hợp đồng tín dụng sẽ được TCTD mua nợ thu hồi vào số tiền đã mua nợ; (ii) Đến thời điểm khi số tiền thực tế mua nợ còn lại nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ đã mua tại thời điểm đó thì việc xử lý hạch toán thu hồi nợ được thực hiện như đối với trường hợp giá mua nợ thấp hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua. 3.3. Xử lý chênh lệch tỷ giá khi mua bán các khoản nợ bằng ngoại tệ. - Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước. - Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 NHNN (đã được sửa đổi bổ sung) đã có quy định về hệ thống tài khoản và hướng dẫn hạch toán mua bán nợ, tỷ giá ngoại tệ hạch toán đã được quy định tại”. - Nhiều TCTD có kiến nghị được hướng dẫn xử lý đối với vấn đề này. Do vậy, Dự thảo Thông tư đã bổ sung thêm khoản 3 để quy định về xử lý chênh lệch tỷ giá khi mua bán và xử lý thu hồi khoản nợ mua.
--	--	---